

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 9 năm 2022
V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Toàn

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Vân, ông Lò Văn Thôn

Thư ký phiên tòa:

Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:

Ông Sộng Nỗ Ly - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc Xin ly hôn. Theo quyết định xét xử số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị A - Sinh năm 1988; Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn T - Sinh năm 1987; Địa chỉ: Bản C, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Hiện đang bị tạm giam tại Công an huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 5 năm 2022 và bản tự khai chi Lường Thị A trình bày:

Chị và anh Quàng Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện từ năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau tại bản Công, xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống khác nhau, hai vợ chồng không cùng nhau làm ăn kinh tế lo cho con cái, gia đình, dần tới thường xuyên cãi vã, anh T chơi

bởi dẫn đến nghiện ngập ma túy và hiện nay đang bị Công an bắt tạm giam. Chị và anh T đã sống ly thân với nhau được hơn 2 năm. Chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Qua thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Quàng Văn P, sinh ngày 07/7/2006 và Quàng Văn K, sinh ngày 07/8/2010, khi ly hôn chị đề nghị giao các con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh Quàng Văn T đang bị tạm giam, Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã tiến hành tổng đạt cho anh T các văn bản tố tụng, lấy lời khai của anh T về những vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án. Tại biên bản lấy lời khai anh T thừa nhận việc anh và chị An kết hôn với nhau từ năm 2007, có 02 con chung, quá trình chung sống hai vợ chồng cũng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 8/2021, nay chị A có yêu cầu ly hôn với anh, anh chưa đồng ý, nếu phải ly hôn anh đề nghị giao 02 con cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung anh khai không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T có đơn đề nghị Tòa án huyện Sông Mã xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật và các thủ tục. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án và đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị A được ly hôn anh Quàng Văn T.

- Về con chung: Giao các cháu Quàng Văn P, sinh ngày 07/7/2006 và Quàng Văn K, sinh ngày 07/8/2010 cho chị Lường Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục đến đủ 18 tuổi. Anh Quàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con .

- Về tài sản chung: Không kê khai nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai nhận không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lường Thị A phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Bị đơn anh Quảng Văn T có hộ khẩu thường trú tại bản C, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, do vậy Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết là đảm bảo theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Quảng Văn T, anh T đã có ý kiến về các vấn đề liên quan khi giải quyết vụ án. Do anh T đang bị giam tại Công an huyện Sông Mã nên chị Lương Thị A đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Anh T và chị Anđêu có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị A và anh Quảng Văn T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Sơ, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị A và anh T xuất phát từ việc hai vợ chồng có quan điểm sống khác nhau, không ai nhường ai, anh T chơi bời dẫn đến nghiện ngập và bị bắt. Anh T cho rằng vợ chồng chỉ mâu thuẫn bình thường, tuy nhiên xét thấy việc anh T nghiện ngập ma túy và đang bị bắt giam chờ ngày xét xử, anh T và chị A cũng đã sống ly thân với nhau hơn 2 năm nay không ai quan tâm tới ai đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và trầm trọng. Mặc dù anh T không nhất trí ly hôn nhưng xét thấy khi chị A có đơn xin ly hôn đã thể hiện tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị A ly hôn anh T là đảm bảo với nguyện vọng của chị, đảm bảo cho chị ổn định cuộc sống để nuôi dạy con cái, quyết định này là có căn cứ và phù hợp với các quy định tại Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Tại các tài liệu có trong hồ sơ chị Lương Thị A đề nghị được trực tiếp nuôi các con Quảng Văn P và Quảng Văn K, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng. Xét thấy anh T hiện đang bị tạm giam nên không có khả năng nuôi con, anh T cũng có ý kiến là nếu phải ly hôn anh đồng ý giao con cho chị A nuôi dưỡng; quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Quảng Văn P và Quảng Văn K, hai cháu đều có

nguyên vọng là được ở cùng mẹ. Do vậy cần giao các con của anh chị cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về cấp dưỡng do chị A không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị A và anh T đều khai không có nợ chung, còn tài sản chung cả anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị A là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị A đối với anh Quảng Văn T.

Xử cho chị Lương Thị A được ly hôn anh Quảng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Quảng Văn P, sinh ngày 07/7/2006 và Quảng Văn K, sinh ngày 07/8/2010 cho chị Lương Thị A trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật.

Anh Quảng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lương Thị A. Anh T có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều khai nhận vợ chồng không có nợ chung, còn tài sản chung cả anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lương Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001696, ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Chị Lường Thị A đã nộp đủ án phí

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị A, anh Quàng Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát Sông Mã;
- THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiềng Sơ;
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Toàn

